

Tin doanh nghiệp

VCB – (HOSE) 88,000

ĐHCD: Mục tiêu lợi nhuận tăng tối thiểu 15%



Trong năm 2023, Vietcombank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng tối thiểu 15% so với năm 2022, dự kiến đạt gần 43.000 tỷ đồng.

Sáng 21/4, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank - Mã: VCB) tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với nhiều kế hoạch quan trọng được đề trình và xin ý kiến cổ đông.

Trong năm 2023, Vietcombank cho biết sẽ đặt mục tiêu trọng tâm là kiểm soát tăng trưởng tín dụng theo trần tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và thực hiện cơ cấu danh mục theo định hướng của trụ sở chính; Điều hành công tác huy động vốn linh hoạt và tăng cường công tác quản trị rủi ro, đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ ngoại bảng;...

Bên cạnh đó, Vietcombank đã hoàn thiện nội dung phương án nhận chuyển giao bắt buộc một TCTD và đang đợi cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tại kỳ họp này, Vietcombank sẽ thực hiện bầu HĐQT và Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ mới 2023- 2028.

Theo đó, ngân hàng dự kiến nâng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 lên 11 thành viên, trong đó có 1 thành viên Hội đồng quản trị đại diện vốn nước ngoài và 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Trước mắt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Vietcombank sẽ bầu 8 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 với cơ cấu gồm 6 thành viên được tái cử và hai thành viên HĐQT độc lập (thành viên HĐQT đại diện vốn của Mizuho được tái cử).

Đáng chú ý, ông Trương Gia Bình, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2018 - 2023, sẽ không tiếp tục đảm nhiệm chức vụ này theo nguyện vọng cá nhân. Thành viên HĐQT độc lập để thay thế ông Trương Gia Bình là ông Vũ Viết Ngoạn, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viet Lotus, nguyên Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia, nguyên Tổ trưởng Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ, nguyên Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Vietcombank (hiện nay đã nghỉ hưu).

Hội đồng quản trị (HĐQT) ngân hàng cũng đặt mục tiêu triển khai đúng tiến độ với tinh thần quyết tâm cao nhất Phương án nhận chuyển giao bắt buộc một tổ chức tín dụng. Tham gia hỗ trợ tái cơ cấu các TCTD yếu kém theo định hướng chỉ đạo của NHNN.

Trong kỳ đại hội năm trước, ĐHĐCĐ Vietcombank đã thông qua phương án nhận chuyển giao bắt buộc một TCTD yếu kém, tới thời điểm hiện tại tên của tổ chức này chưa được công bố chính thức.

Ngân hàng đặt ra định hướng một số chỉ tiêu chính dự kiến cho giai đoạn 2023 - 2028 như sau: Tăng trưởng tín dụng dự kiến từ 12 - 14%/năm; tăng trưởng tổng tài sản đạt 9 - 10%/năm; tăng trưởng huy động vốn từ 10 - 11%/năm.

Ông Đỗ Việt Hùng, Thành viên HĐQT cho biết trên cơ sở chiến lược Vietcombank đến năm 2025, tầm nhìn 2030, ngân hàng đặt kế hoạch kinh doanh 2023 với các chỉ tiêu chính như lợi nhuận trước thuế tăng tối thiểu 15% so với năm 2022, dự kiến đạt gần 43.000 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Định hướng
Tăng trưởng tổng tài sản (%/năm)	9-10%
Tăng trưởng cấp tín dụng đối với nền kinh tế (%/năm)	12-14%
Tăng trưởng huy động vốn (%/năm), phù hợp với tăng trưởng dư nợ cấp tín dụng	10-11%
ROE	17-18%
Tỷ lệ nợ xấu	Dưới 1,5%
Tỷ lệ an toàn vốn	10-11%

Vietcombank sẽ trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận 2020 và lợi nhuận còn lại năm 2019 với tỷ lệ 18,1% sẽ được triển khai các bước và thực hiện trong tháng 5/2023. Chương trình thứ 2 là trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 và lợi nhuận còn lại đến trước năm 2018 với quy mô 27.000 tỷ đồng hiện đang xin các cấp có thẩm quyền.

Trong 5 năm 2017 - 2022, ngân hàng đã ghi nhận nhiều con số tích cực với mức tăng trưởng kép (CAGR) về tổng tài sản khoảng 12%/năm, tốc độ tăng trưởng kép dư nợ tín dụng khoảng 16%/năm.

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản ngân hàng đạt trên 1,8 triệu tỷ đồng, tăng 1,8 lần (tăng gần 800.000 tỷ đồng) so với thời điểm 5 năm trước. Dư nợ tín dụng đạt trên 1,15 triệu tỷ đồng, tăng 2,1 lần so với 31/12/2017.

Lợi nhuận trước thuế tăng 3,3 lần, từ 11.000 tỷ đồng năm 2017 lên gần 37.000 tỷ đồng năm 2022, tương đương với tốc độ tăng bình quân khoảng 29%/năm, liên tục dẫn đầu ngành ngân hàng về quy mô lợi nhuận. Cùng với đó, tỷ lệ nợ xấu giảm từ khoảng 1,11% cuối năm 2017 xuống còn 0,68% tại thời điểm cuối năm 2022.

Kết quả kinh doanh Quý 1.2023, Vietcombank cho biết tăng trưởng tín dụng hơn 2,5%. Huy động vốn tăng 3,2%, khả quan hơn toàn ngành ngân hàng. NIM của Vietcombank có cải thiện so với năm ngoái, tăng 0,04% so với cuối 2022. Lợi nhuận riêng lẻ đạt 11.500 tỷ đồng. **Lợi nhuận hợp nhất đạt 11.200 tỷ đồng**, tăng 14% và đạt 26% kế hoạch đặt ra. Nợ xấu tăng nhẹ so với năm ngoái nhưng đều nằm trong dự báo của hệ thống ngân hàng và đã được nhận diện từ trước.

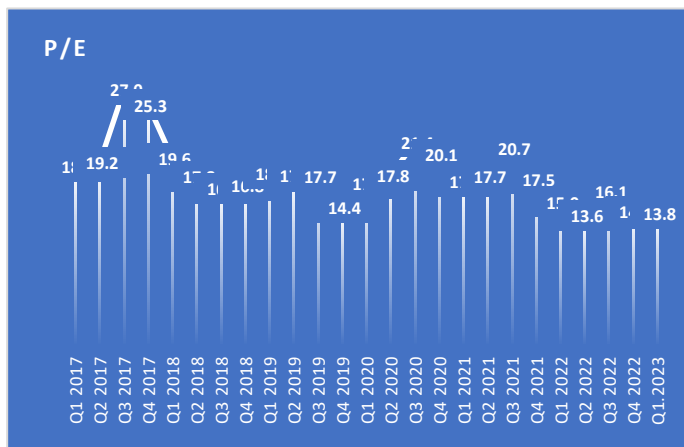
Về kế hoạch tăng vốn, Báo cáo với đại hội, Vietcombank đang triển khai ba nội dung tăng vốn. Nội dung thứ nhất theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 đã thông qua với tỷ lệ phát hành tăng vốn 18,1%. Ngày 19/4, NHNN cũng đã thông

qua đề xuất tăng vốn này. Nếu không có gì thay đổi, một tháng nữa sẽ hoàn thành tăng vốn từ nguồn lợi nhuận còn lại của năm 2020 và 2019.

Nội dung tăng vốn thứ 2 đã thông tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 đó là tăng vốn từ lợi nhuận còn lại của 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế năm 2018. Vốn điều lệ dự kiến tăng khoảng 27.000 tỷ đồng. Ngân hàng đang triển khai thủ tục với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Nội dung thứ ba là phát hành riêng lẻ 6,5% vốn điều lệ, Vietcombank đang triển khai thuê tư vấn tài chính để hỗ trợ lựa chọn cổ đông nước ngoài, dự kiến trong năm 2023-2024.

Trên sàn giá VCB đang ở vùng vao nhất lịch sử trong khoảng 88-90. PE VCB hiện ở mức 13.8, khá thấp so với lịch sử của cổ phiếu 5 năm gần đây. P/Bv của VCB hiện khoảng 3.1 – cao so với trung bình ngành nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình khoảng 3.6 của VCB.



Một số chỉ số tài chính VCB

	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Vốn điều lệ	35,978	35,978	37,089	37,089	37,089	47,325
Thu nhập lãi thuần	21,938	28,409	34,577	36,285	42,387	53,246
Lợi nhuận sau thuế	9,111	14,622	18,526	18,473	21,928	29,912
Tổng Huy Động	708,520	801,929	928,451	1,032,114	1,135,324	1,243,468
Tổng Cho Vay	543,434	631,867	734,707	839,788	960,750	1,145,066
Tổng thu nhập hoạt động - TOI	29,406	39,278	45,730	49,063	56,711	68,083
Thu nhập lãi ròng - NII	21,938	28,409	34,577	36,285	42,387	53,246
Vốn chủ sở hữu/Huy động	7.4%	7.8%	8.7%	9.1%	9.8%	11.1%
Cho vay/Vốn Chủ Sở Hữu	10.34	10.16	9.08	8.92	8.64	8.30
Tỷ lệ trích lập dự phòng/Dư nợ	1.5%	1.6%	1.4%	2.3%	2.7%	2.2%
Chi phí dự phòng/Thu nhập lãi thuần	28.3%	26.0%	19.6%	27.5%	27.7%	17.8%
Tỷ lệ cho vay/TTT	52.5%	58.8%	60.1%	63.3%	67.9%	63.1%
CAGR Tổng tài sản (5 năm)	20.1%	18.0%	16.2%	14.5%	12.4%	11.9%
CAGR Vốn chủ sở hữu	5%	8%	13%	16%	18%	21%
NIM	2.2%	2.7%	2.9%	2.8%	3.1%	3.1%
ROA (%)	0.9%	1.4%	1.5%	1.4%	1.5%	1.6%
ROE (%)	17.3%	23.5%	22.9%	19.6%	19.7%	21.7%
Equity multiplier (TS/VCSH)	19.7	17.3	15.1	14.1	12.7	13.1
Tỷ lệ Nợ xấu	1.1%	1.0%	0.8%	0.6%	0.6%	0.7%
Nợ xấu	6,209	6,223	5,724	5,230	6,121	7,808
Dự phòng/Nợ Xấu (LLR)	130.7%	165.4%	182.0%	368.0%	424.4%	317.4%
Tỷ lệ nợ 5/Nợ từ nhóm 2	17.7%	47.7%	55.7%	54.1%	45.9%	55.7%